

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

Số: 602/TCKH-QLNS

V/v phối hợp lập kế hoạch
tài chính 5 năm 2021 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hướng Hóa, ngày 28 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính Quảng Trị.

Thực hiện Công văn số 1445/STC-QLNS ngày 08/5/2020 của Sở Tài chính về việc phối hợp lập kế hoạch tài chính 5 năm 2021 – 2025,

UBND huyện Hướng Hóa báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH -
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

I. Đánh giá các chế độ, chính sách về thu, chi NSNN

1. Đánh giá các chế độ, chính sách về thu NSNN giai đoạn 2016 - 2020

Giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản điều chỉnh, thay đổi các chính sách về thuế, phí, lệ phí. Các khoản thu từ thuế được cải thiện theo hướng hợp lý hơn, đảm bảo khuyến khích sự phát triển của mọi thành phần kinh tế. Nhà nước cũng đã có các ưu đãi thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho sản xuất - kinh doanh phát triển thuận lợi.

Một số chính sách thuế mới có hiệu lực đã ảnh hưởng lớn đến nguồn thu của huyện:

- Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân có số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp hàng năm (đã trừ số thuế được miễn giảm) từ 50.000 đồng trở xuống (*Thông tư số 130/2016/TT-BTC*);

- Hộ kinh doanh tính thuế theo phương pháp khoán (thuế khoán) có doanh thu tính thuế dưới 100 triệu đồng/năm sẽ không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng (*Thông tư số 92/2015/TT-BTC*);

- Các cá nhân làm việc tại khu kinh tế sẽ không được giảm 50% thuế thu nhập cá nhân (*Thông tư số 42/2019/TT-BTC*)).

- Thuế môn bài chuyển thành lệ phí môn bài (*Nghị định 139/2016/NĐ-CP*);
- Số thu từ xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng quản lý thị trường thực hiện điều tiết 100% số thu về ngân sách trung ương (*Thông tư số 119/2018/TT-BTC*).

Những thay đổi về chính sách thuế đã có những tác động đến thu ngân sách trên địa bàn. Một số chính sách thay đổi đã làm giảm tỷ lệ điều tiết số thu về ngân sách huyện, tuy nhiên, việc cải thiện các chính sách về thuế đã khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp phát triển, tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Bên cạnh đó, quy mô thu thuế ngày càng được mở rộng nhờ các chính sách thu hút đầu tư. Do đó, số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (sau khi loại trừ thu sử dụng đất) vẫn luôn đạt và vượt dự toán trong những năm qua.

2. Đánh giá các chế độ, chính sách về chi NSNN giai đoạn 2016 - 2020

Để đảm bảo việc tổ chức thực hiện dự toán chi hàng năm, hàng năm, đã có hệ thống văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai dự toán chi NSNN từ trung ương đến địa phương, đảm bảo tích cực, chủ động, tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện, hạn chế tối đa việc đề nghị bổ sung kinh phí, ứng trước dự toán năm sau; thực hiện điều hành, quản lý, sử dụng nguồn dự phòng các cấp chặt chẽ.

Các chế độ chính sách mới ban hành hàng năm đảm bảo tính thiết thực, phát huy được hiệu quả nguồn vốn, góp phần quan trọng trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Giai đoạn 2016 - 2020, việc phân cấp các nhiệm vụ chi của ngân sách huyện thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị. Các nội dung chi, định mức chi được quy định cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên, định mức các sự nghiệp tương đối thấp, chưa đáp ứng hết nhu cầu chi của địa phương.

II. Đánh giá các kết quả chủ yếu về tài chính - Ngân sách

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

**Biểu 1.1. Tình hình thực hiện thu NSNN trên địa bàn
(giai đoạn 2016 - 2020)**

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Dự kiến năm 2020	Tổng giai đoạn 2016 - 2020
I	Thu ngân sách trên địa bàn	75.994	66.945	58.080	51.479	61.400	313.898
	<i>Thu trên địa bàn sau khi loại trừ tiền thu sử dụng đất</i>	<i>36.076</i>	<i>41.010</i>	<i>52.677</i>	<i>47.508</i>	<i>41.400</i>	<i>218.671</i>
1	Thuế công thương nghiệp (NQD)	17.211	21.028	24.356	20.217	22.090	104.902
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	185	34	10	0	0	229
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	45	13	14	41	10	123
4	Thu tiền sử dụng đất	39.918	25.935	5.403	3.971	20.000	95.227
5	Thu tiền cho thuê đất	478	411	916	297	400	2.502
6	Thu tiền cấp quyền khai thác	185	154	4.003		0	4.342
7	Lệ phí trước bạ	10.058	10.408	10.077	10.793	9.900	51.236
8	Thu phí, lệ phí	1.743	3.152	4.296	6.028	4.500	19.719
9	Thuế thu nhập cá nhân	2.514	2.194	2.071	2.522	2.100	11.401
10	Thu khác ngân sách	3.401	1.448	6.934	6.103	2.400	20.286
11	Thu tại xã, thu khác NS trung ương	256	2.168	0	1.507	0	3.931
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	420.590	520.946	556.577	658.896	518.909	2.675.918
III	Thu kết dư ngân sách	4.529	3.428	9.049	14.261	0	31.267
IV	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau	31.697	73.409	94.323	90.799	0	290.228
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	296	0	1.021	470	0	1.787
VI	Các khoản thu để lại ĐV chi quản lý qua NS	2.779	3.036	0	0	7.499	13.314
	TỔNG THU NSNN	535.885	667.764	719.050	815.905	587.808	3.326.412

Thu NSNN của huyện chủ yếu dựa vào nguồn bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên, thu ngân sách trên địa bàn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu thu NSNN của huyện.

Số thu trên địa bàn (sau khi loại trừ tiền thu sử dụng đất) tăng qua các năm trong giai đoạn 2016 - 2020, nhờ vào những nỗ lực tăng thu của huyện.

Thu từ nguồn sử dụng đất là nguồn thu chủ yếu cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, đây là nguồn thu không bền vững. Từ năm 2018, số thu từ nguồn sử dụng đất đạt được rất thấp so với dự toán (dưới 20%), do đó làm ảnh hưởng đến tiến độ các công trình và hiệu quả của kế hoạch đầu tư công của huyện.

Hàng năm, UBND huyện đều ban hành các chỉ thị về triển khai thực hiện các giải pháp khai thác nguồn thu, tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, chống buôn lậu và gian lận thương mại. Huyện uỷ, UBND huyện và ngành thuế tổ chức nhiều buổi toạ đàm, đối thoại với các doanh nghiệp nhằm tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc trong SXKD để có biện pháp chỉ đạo tháo gỡ kịp thời.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSDP

**Biểu 2: Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSDP
giai đoạn 2016 - 2020**

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Dự kiến năm 2020	Giai đoạn 2016 - 2020
1	Chi đầu tư phát triển	35.216	66.640	75.822	76.721	88.171	342.570
2	Chi thường xuyên	402.569	482.376	514.954	556.422	440.856	2.397.177
	Trong đó: Chi Giáo dục và Đào tạo	230.942	281.726	304.262	0	0	816.930
3	Chi chuyển nguồn NS năm sau	73.409	94.323	90.799	60.709	58.781	378.021
4	Chi từ nguồn thu để lại q.ly qua NSNN	2.779	3.036	0	0	0	5.815
5	Chi nộp trả ngân sách cấp trên (*)	1.414	1.933	13.750	913	0	18.010
	Tổng cộng	515.387	648.308	695.325	694.765	587.808	3.141.593

Trong điều kiện nguồn thu ngân sách trên địa bàn của huyện còn chiếm tỷ trọng thấp so với nhu cầu chi, còn phải nhận bổ sung phần lớn từ ngân sách cấp trên mới có thể cân đối ngân sách huyện, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thu, đồng thời điều hành quản lý ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách trên địa bàn.

Chi ngân sách hàng năm đảm bảo theo dự toán được giao, triển khai thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện. Các

chính sách an sinh xã hội được thực hiện đúng chế độ, kịp thời, phát huy được hiệu quả. Chi thường xuyên theo hướng chủ động, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

III. Đánh giá tình hình cân đối Ngân sách địa phương:

Nguồn thu của Ngân sách phụ thuộc vào bổ sung cân đối ngân sách cấp trên. Khả năng tự cân đối của địa phương còn thấp. Thu ngân sách trên địa bàn không đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên của huyện, phụ thuộc phần lớn vào ngân sách cấp trên.

IV. Những hạn chế, khó khăn:

Về thu ngân sách: Cơ cấu nguồn thu trên địa bàn chưa tích cực và vững chắc, thu tiền sử dụng đất đóng chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn vốn đầu tư công của huyện, trong khi đó nguồn thu này không ổn định qua các năm. Chưa có nguồn thu lớn chủ lực, mà chủ yếu đang tập trung khai thác quản lý thu từ các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Nguồn thu chủ yếu dựa vào thu thuế các doanh nghiệp, song các doanh nghiệp đóng trên địa bàn có doanh thu thường xuyên còn hạn chế, thiếu việc làm...

Về chi ngân sách: Những khoản chi do tỉnh hỗ trợ còn thấp so với nhu cầu của huyện. Định mức chi các sự nghiệp chưa đáp ứng được các nhiệm vụ chi trong năm.

B. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội và xác định mục tiêu của kế hoạch tài chính 5 năm 2021 - 2025 của địa phương

1. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025

Tổng sản phẩm trong nước (GRDP) theo giá hiện hành: 92.692 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế:

- Nông, lâm, ngư, nghiệp: 9,64%.
- Công nghiệp, xây dựng: 37,21%.
- Dịch vụ: 53,15%.

Dân số: 108.000 người.

Thu nhập bình quân đầu người: 44,16 triệu đồng.

Tỷ lệ giảm hộ nghèo: giảm 2,5% - 3%.

2. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục hoàn thiện công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; huy động, phân phối, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn thu trên địa bàn, tăng khả năng tự cân đối của ngân sách địa phương, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững; thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, đầu tư hợp lý cho con người và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Mục tiêu cụ thể

1. Phân đầu tổng thu ngân sách nhà nước cả giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 1.393 tỷ đồng; tăng thu ngân sách trên địa bàn để nâng cao khả năng tự cân đối của ngân sách địa phương, bảo đảm tỷ trọng thu ngân sách trên địa bàn khoảng 15% - 16% tổng thu ngân sách nhà nước.

2. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực. Tổng chi NSDP cả giai đoạn đạt khoảng 3.800 tỷ đồng. Tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm bình quân khoảng 15% - 17% tổng chi ngân sách nhà nước; giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống dưới 75% tổng chi ngân sách nhà nước.

3. Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện theo hướng chủ động, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

II. Dự kiến thu, chi ngân sách giai đoạn 2021 - 2025

1. Về thu NSNN

1.1. Dự kiến thu NSNN trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn: 1.393 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu nội địa: 393 tỷ đồng.

Tổng thu NSDP: 3.800 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 300 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 3.500 tỷ đồng.

1.2. Các giải pháp nhằm huy động nguồn thu ngân sách nhà nước

Tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh. Đề xuất tháo bỏ rào cản, bãi bỏ hoặc bổ sung, sửa đổi các quy định không phù hợp với cơ chế thị

trường, tạo cơ chế khuyến khích đầu tư đủ hấp dẫn và khả thi, tăng thêm cơ hội đầu tư và kinh doanh cho khu vực kinh tế tư nhân.

Thường xuyên theo dõi sát tình hình KT-XH và những nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thu NSNN trên địa bàn để kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh hoạt động đầu tư, phát triển SXKD thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tăng cường các biện pháp chống buôn lậu và gian lận thương mại một cách triệt để, góp phần ổn định nguồn thu, làm lành mạnh các hoạt động kinh doanh, dịch vụ; tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra, giám sát, chống tham ô, lãng phí.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác tài chính, kế toán ở cơ sở, bảo đảm thu, chi đúng quy định của nhà nước, đặc biệt là thực hiện các chế độ, chính sách xã hội.

2. Về chi Ngân sách địa phương

2.1. Dự kiến tổng chi NSDP giai đoạn 2021 - 2025

Tổng chi NSDP: 3.800 tỷ đồng.

Trong đó:

Chi đầu tư phát triển: 570 tỷ đồng,

Chi thường xuyên: 3.230 tỷ đồng.

2.2. Các giải pháp thực hiện

Thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư XD CB, các nhiệm vụ chi giai đoạn 2016 - 2020, bám sát các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ, các chế độ chính sách mới, từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí nguồn ngân sách nhà nước.

Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan tài chính và các đơn vị sử dụng ngân sách, trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo cho các ngành các cấp được tham gia bàn bạc, thảo luận trong công tác lập dự toán. Chủ động kiến nghị các cơ quan chức năng điều chỉnh một số tiêu chuẩn định mức chi thường xuyên phù hợp tình hình thực tế.

Nghiêm túc thực hiện kỷ luật ngân sách, gắn trách nhiệm của các cơ quan đơn vị với kết quả quản lý, sử dụng NSNN khi triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác giám sát của các cơ quan có thẩm quyền đối với việc chấp hành dự toán của các đơn vị trên địa bàn.

Nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ quản lý chi ngân sách; nâng cao chất lượng ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện chi NSNN cấp huyện.

Tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chi ngân sách cấp huyện.

III. Đề xuất một số giải pháp thực hiện kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025

1. Đối với Chính phủ, Bộ Tài chính

- Thường xuyên thực hiện rà soát, sửa đổi định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi ngân sách cho phù hợp với thực tế biến động của thị trường và yêu cầu quản lý, làm cơ sở để thực hiện kiểm soát, xử lý hành vi gây lãng phí.

- Đưa tiết kiệm thành chế định pháp lý để đảm bảo tính hiệu quả trong thực hiện. Có chính sách hỗ trợ, khen thưởng kịp thời những giải pháp tiết kiệm chi ngân sách được áp dụng.

2. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị

- Điều chỉnh định mức phân bổ ngân sách cho phù hợp, chú trọng tăng định mức chi thường xuyên cho cấp xã, hoạt động cơ quan Đảng, đoàn thể.

- UBND tỉnh cần sửa đổi bổ sung một số định mức chi tiêu lạc hậu như phụ cấp của cán bộ xóa đói giảm nghèo, bảo vệ dân phố; hướng dẫn thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng cho cấp xã. Rà soát các chế độ chính sách đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ theo yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương. Không ban hành các chính sách mới nếu không rõ nguồn ngân sách để đảm bảo thực hiện.

- Việc phân cấp cụ thể nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách đi đôi với quy định chế tài xử lý vi phạm cụ thể.

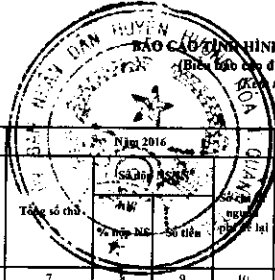
Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (B/c);
- Phòng TCKH huyện;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Trọng Vân



BÁO CÁO LÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU CHI PHÍ, LỆ PHÍ TRONG TỪNG NĂM VÀ 05 NĂM 2016 - 2020
 (Biểu báo cáo đối với các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã)
 Căn cứ theo Công văn số 002/UBND-TCXH ngày 28/5/2020 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng giai đoạn 2016 - 2020												Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020 (số kế hoạch)			Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025		
		Tổng số thu	Số nộp NSNN		Số chi từ nguồn phí để lại	Tổng số thu	Số nộp NSNN		Số chi từ nguồn phí để lại	Tổng số thu	Số nộp NSNN		Số chi từ nguồn phí để lại	Tổng số thu	Số nộp NSNN		Số chi từ nguồn phí để lại	Tổng số thu	Số nộp NSNN		Số chi từ nguồn phí để lại	Tổng số thu	Số nộp NSNN		Số chi từ nguồn phí để lại						
			% nộp NS	Số tiền			% nộp NS	Số tiền			% nộp NS	Số tiền			% nộp NS	Số tiền			% nộp NS	Số tiền			% nộp NS	Số tiền							
I	Phí	15.305	-	12.376	5.216	2.826	-	2.135	691	2.976	-	2.213	727	3.329	-	2.227	838	3.424	-	3.186	225	2.750	-	2.615	2.735	3.100	-	2.650	270		
	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất	128	30%	24	60	44	30%	13	31	35	30%	10	30	50	100%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Phí chợ	2.062	10%	206	1.856	628	10%	63	565	665	10%	66	598	694	10%	69	625	75	10%	8	68										
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	1.075	10%	108	700	106	10%	11	95	156	10%	16	99	476	10%	48	214	189	10%	19	157	150	10%	15	135	500	10%	50	270		
	Phí vệ sinh	12.039	100%	12.039	2.600	2.048	100%	2.048	-	2.121	100%	2.121	-	2.110	100%	2.110	-	3.160	100%	3.160	-	2.600	100%	2.600	2.600	2.600	100%	2.600	-		
III	Lệ phí	5.275	-	238	4.762	144	-	24	122	199	-	53	99	1.805	-	84	1.507	1.518	-	57	1.448	1.611	-	21	1.555	7.685	-	7.235	270		
	Lệ phí cấp phép xây dựng	1.081	10%	108	702	106	10%	11	97	162	10%	16	99	476	10%	48	214	189	10%	19	157	150	10%	15	135	500	10%	50	270		
	Lệ phí Đăng ký kinh doanh	168	10%	108	56	36	30%	11	25	34	100%	34		31	100%	31		32	100%	32		35	100%		185	100%	185				
	Lệ phí chứng thực hồ tịch	22	100%	22	-	2	100%	2	0	3	100%	3	0	5	100%	5	0	6	100%	6	0	6	100%	6	0	20	100%	20	0		
	Học phí	4.004		-	4.004									1.293			1.293	1.291			1.291	1.420			1.420	7.000	100%	7.000			
	Tổng cộng	20.580	-	12.614	9.978	2.969	-	2.158	813	3.174	-	2.267	826	5.134	-	2.310	2.345	4.942	-	3.243	1.673	4.361	-	2.636	4.290	10.785	-	9.885	540		



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021 - 2025
(Kèm theo Công văn số 602/UBND-TCKH ngày 18/5/2020 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Thực hiện giai đoạn trước						Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025
		Tổng giai đoạn 2016 - 2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
A	B	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH	63.453.434	9.872.827	12.340.807	10.989.101	14.435.799	15.814.900	92.691.560
B	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	655.377	171.296	174.240	196.962	51.479	61.400	1.393.000
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)	-38,78%	1,05%	1,72%	13,04%	-73,86%	19,27%	112,55%
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)	5,68%	1,74%	1,41%	1,79%	0,36%	0,39%	1,50%
I	Thu nội địa	313.898	75.994	66.945	58.080	51.479	61.400	393.000
	Tốc độ tăng thu (%)	15,76%	33,00%	-11,91%	-13,24%	-11,37%	19,27%	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	0,49%	44,36%	38,42%	29,49%	100,00%	100,00%	28,21%
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	95.227	39.918	25.935	5.403	3.971	20.000	
	Thu xổ số kiến thiết	0						
C	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.326.412	535.885	667.764	719.050	815.905	587.808	3.800.000
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)		0,02%	24,61%	7,68%	13,47%	-27,96%	
	Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)	27%	5%	5%	7%	6%	4%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	247.334	58.725	56.538	45.287	45.384	41.400	393.000
	Tốc độ tăng (%)			-3,72%	-19,90%	0,21%	-8,78%	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	38,33%	10,96%	8,47%	6,30%	5,56%	7,04%	10,34%
II	Thu bổ sung từ NS cấp trên	3.045.312	420.591	520.946	671.879	721.896	710.000	3.407.000
	Tốc độ tăng (%)			23,86%	28,97%	7,44%	-1,65%	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	91,55%	78,49%	78,01%	93,44%	88,48%	120,79%	89,66%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.510.120	360.757	440.665	547.064	581.634	580.000	2.808.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	535.192	59.834	80.281	124.815	140.262	130.000	599.000
D	TỔNG CHI NSDP	3.141.593	515.387	648.308	695.325	694.765	587.808	3.800.000
	Tốc độ tăng chi NSDP (%)			25,79%	7,25%	-0,08%	-15,39%	
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)	4,95%	5,22%	5,25%	6,33%	4,81%	3,72%	4,10%
I	Chi đầu tư phát triển	342.570	35.216	66.640	75.822	76.721	88.171	570.000
	Tốc độ tăng (%)			89,23%	13,78%	1,19%	14,92%	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	10,90%	6,83%	10,28%	10,90%	11,04%	15,00%	15,00%
II	Chi thường xuyên	2.397.177	402.569	482.376	514.954	556.422	440.856	2.850.000
	Tốc độ tăng (%)	0,138613506		19,82%	6,75%	8,05%	-20,77%	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	76,30%	78,11%	74,41%	74,06%	80,09%	75,00%	75,00%
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0						